TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65/2026/QĐST-DS	*Thanh Hóa, ngày 04 tháng 09 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 81/2026/TLST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (V1);

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q – Chức vụ: Trưởng phòng XLN khách hàng cá nhân 2.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Lường Hữu H – Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà T, Số B Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn**: + Ông Nguyễn Văn D1 – Sinh năm 1980; CCCD: 038080xxxxxx

+ Bà Tống Thị B – Sinh năm 1986; CCCD: 038186xxxxxx

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D1, bà B là: Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm 1982; CCCD: 038182xxxxxx.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Anh Nguyễn Văn D2 - Sinh năm 2002; CCCD: 038202xxxxxx.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh D2 là: Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm 1982; CCCD: 038182xxxxxx.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền vay nợ: Người đại diện theo uỷ quyền lại của V1 và người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn D1, bà Tống Thị Bích thống N: Ông Nguyễn Văn D1 và bà Tống Thị B còn nợ V1 số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2026 là 607.115.415 đồng (sáu trăm linh bảy triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm mười lăm đồng), cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LN2403152064462 ngày 21/3/2024, giải ngân ngày 27/3/2024: Nợ gốc còn lại là 513.500.000 đồng; Lãi trong hạn là 4.563.645 đồng; Lãi quá hạn là 55.877.702 đồng. Cả gốc và lãi là 573.941.347 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 379-P-7969781 ngày 27/3/2024: Nợ gốc là 26.650.000 đồng; Lãi quá hạn là 6.524.068 đồng. Cả gốc và lãi là 33.174.068 đồng.

2.2. Về trách nhiệm trả nợ: Ông Nguyễn Văn D1 và bà Tống Thị B phải có trách nhiệm trả cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2026 là 607.115.415 đồng (sáu trăm linh bảy triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm mười lăm đồng) chia làm hai kỳ trả nợ, cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Ngày 25/9/2026 thanh toán 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Kỳ 2: Ngày 25/10/2026 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại.

Kể từ ngày 22/8/2026 ông Nguyễn Văn D1 và bà Tống Thị Bích C phải trả cho V1 tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết trên số dư nợ gốc còn lại cho tới khi tất toán xong khoản vay.

2.3. Nếu ông Nguyễn Văn D1 và bà Tống Thị Bích vi P nghĩa vụ trả nợ như cam kết thì V1 có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm của anh Nguyễn Văn D2 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2403152064462 ngày 21/03/2024 bảo đảm cho khoản vay của ông D1, bà B để thu hồi nợ cho V1 là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 394, tờ bản bản đồ số 4, địa chỉ tại: thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 361245, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00662 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/01/2009 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H1, ngày 05/02/2024 xác nhận chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn D2.

Tài sản này thuộc quyền sở hữu và sử dụng của anh Nguyễn Văn D2. Hiện tại anh D2 đang quản lý những tài sản nêu trên. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho V1 nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là anh Nguyễn Văn D2, nếu thiếu ông Nguyễn Văn D1 và bà Tống Thị B tiếp tục phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với V1.

2.4. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn D1 và bà Tống Thị B phải chịu 14.142.308 đồng (mười bốn triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm linh tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.289.000 đồng (mười ba triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003049 ngày 17/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

2.5. Về chi phí tố tụng: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang